

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Ngày 30/09/2025	1,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-		-

DT thuần Q3/25
83.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0 33.4%
YoY: ▼17.1 -16.9%

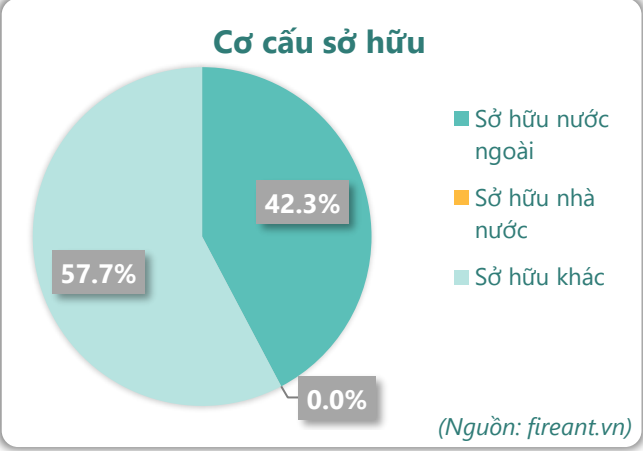
LN thuần Q3/25
1.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.65 178%
YoY: ▲ 0.10 9.2%

LN sau thuế Q3/25
0.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.15 136%
YoY: ▼0.13 -13.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.5%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM) Q3/25

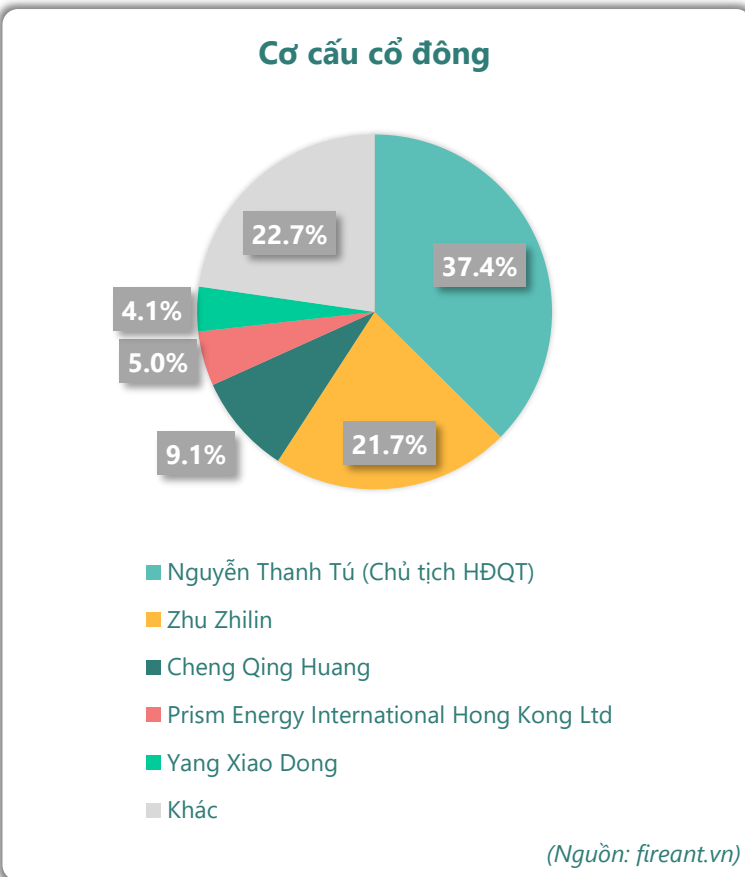
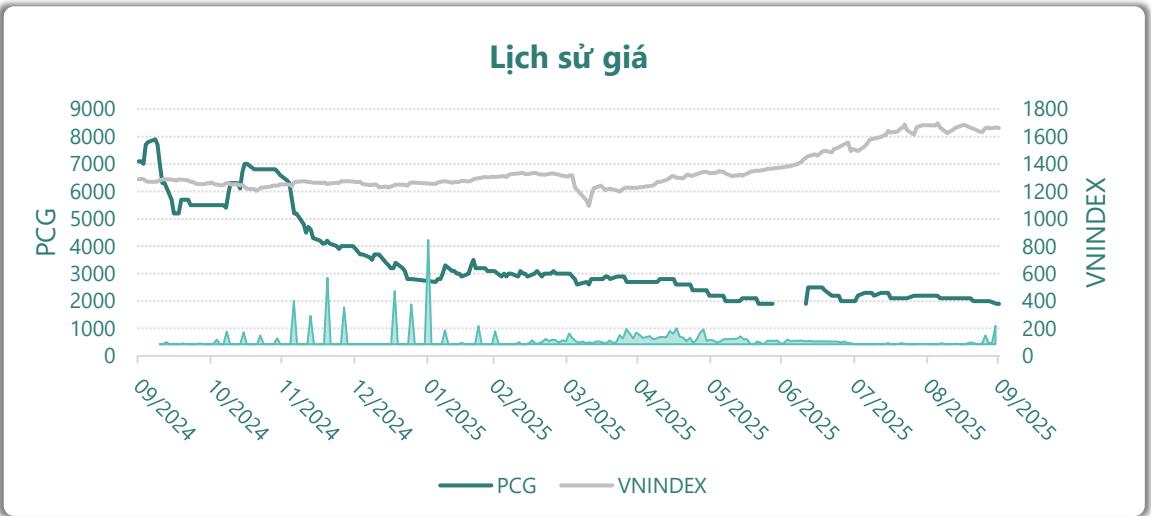
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
Số lượng CPLH (CP)	18,870,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,800
Sở hữu nước ngoài	42.3%
Beta	0.37
EPS	
P/E	



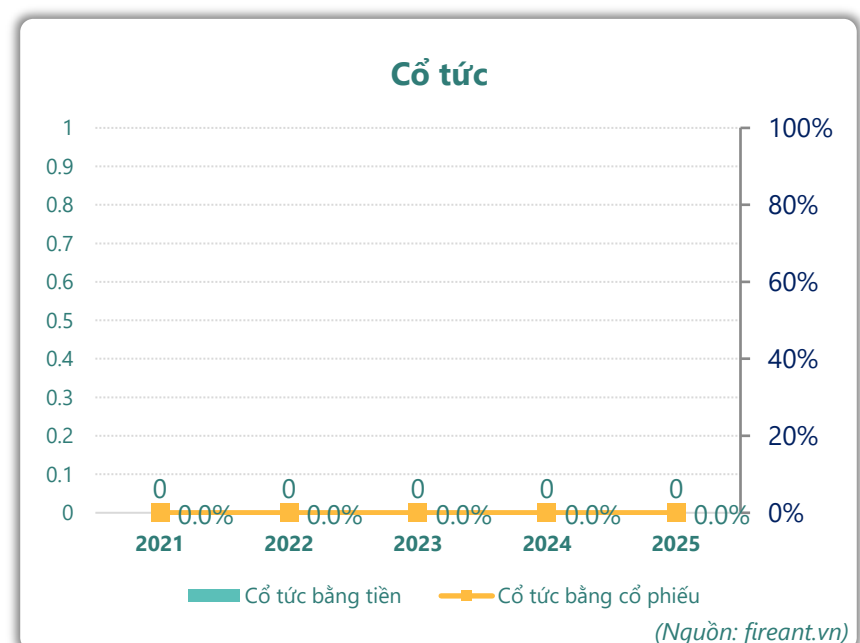
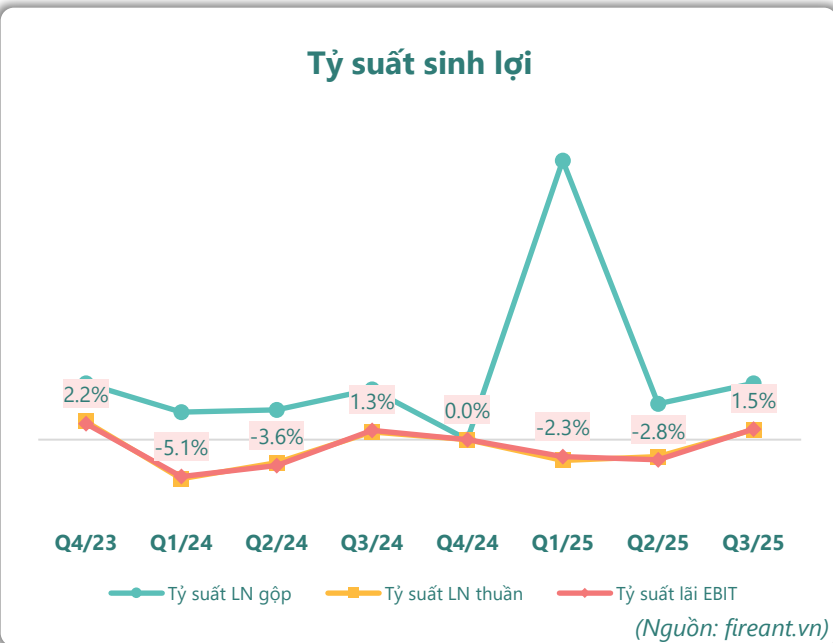
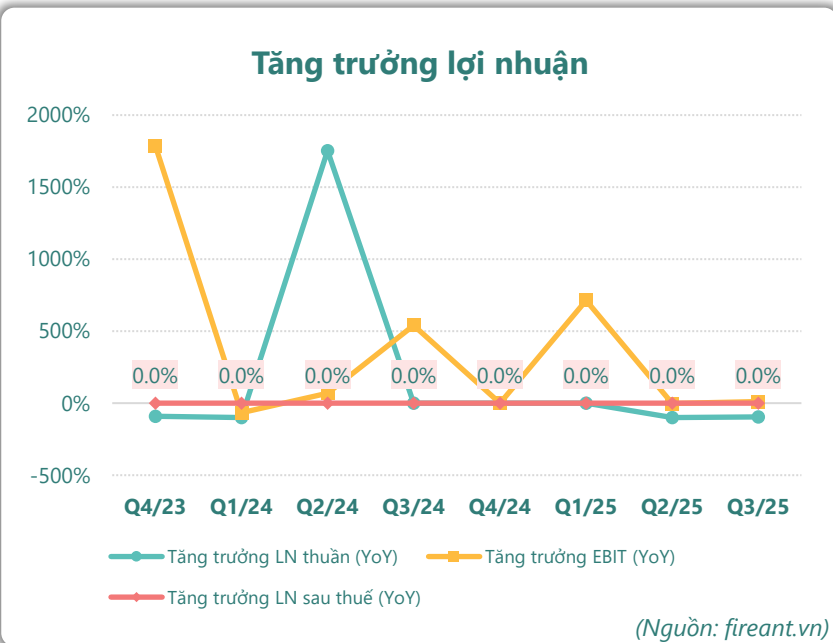
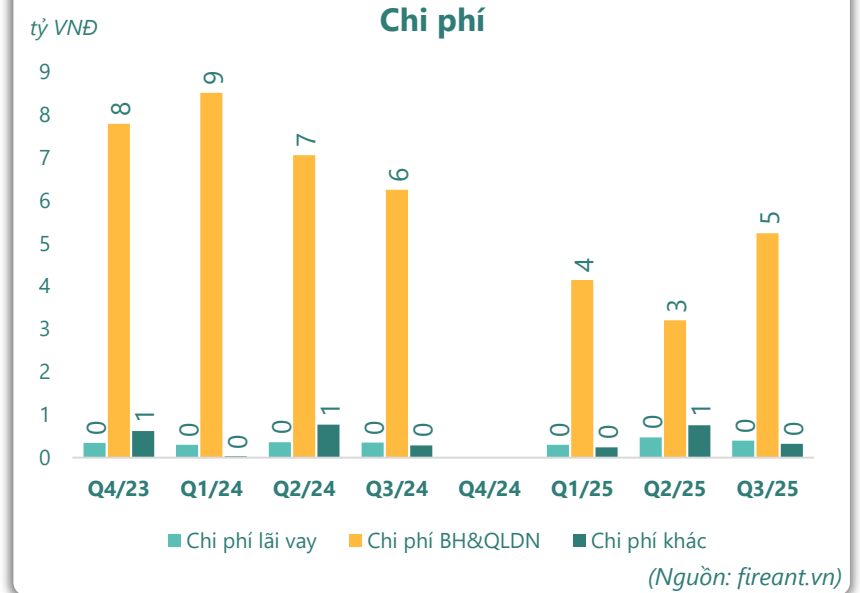
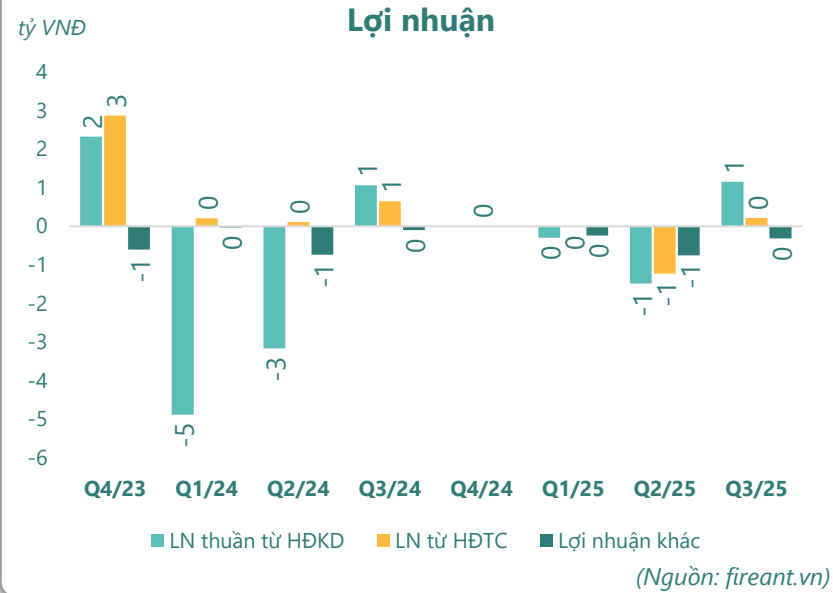
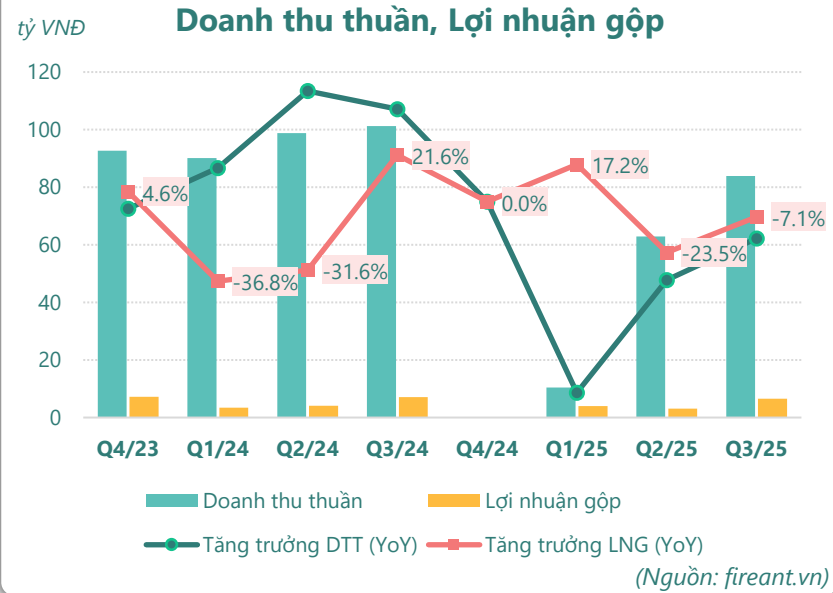
DT thuần 9T 2025
157
tỷ VNĐ
YoY: ▼133 -45.8%

LN thuần 9T 2025
-0.63
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.36 91.0%

LN sau thuế 9T 2025
-2.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.84 74.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

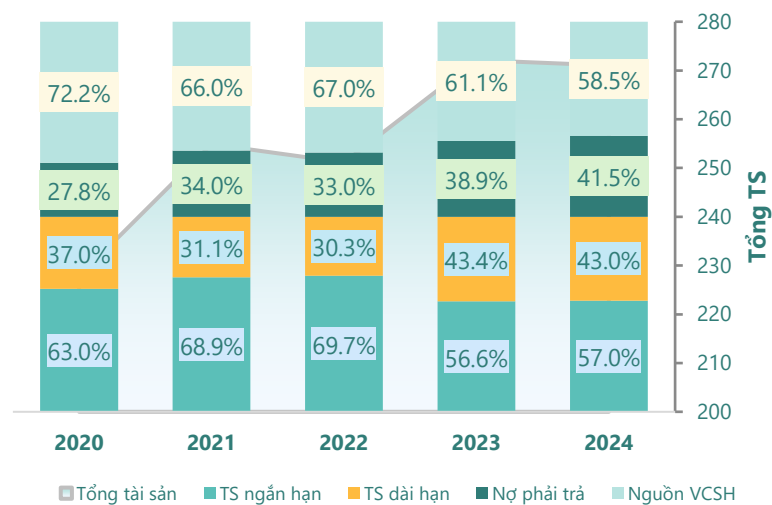




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

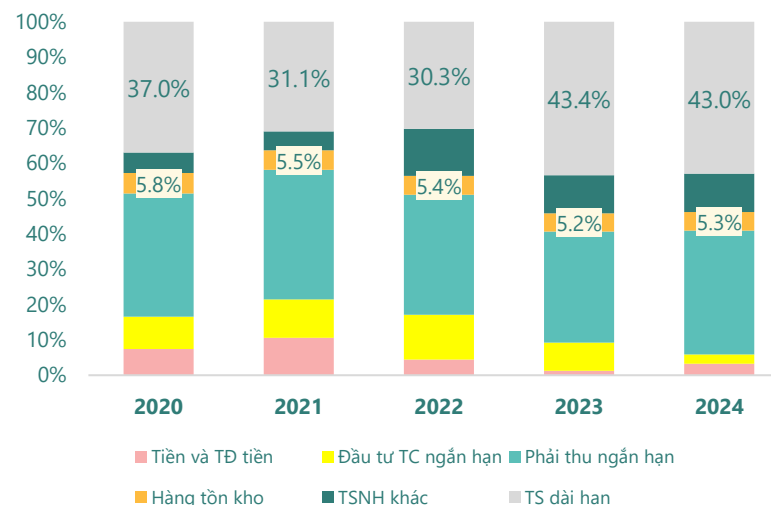
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

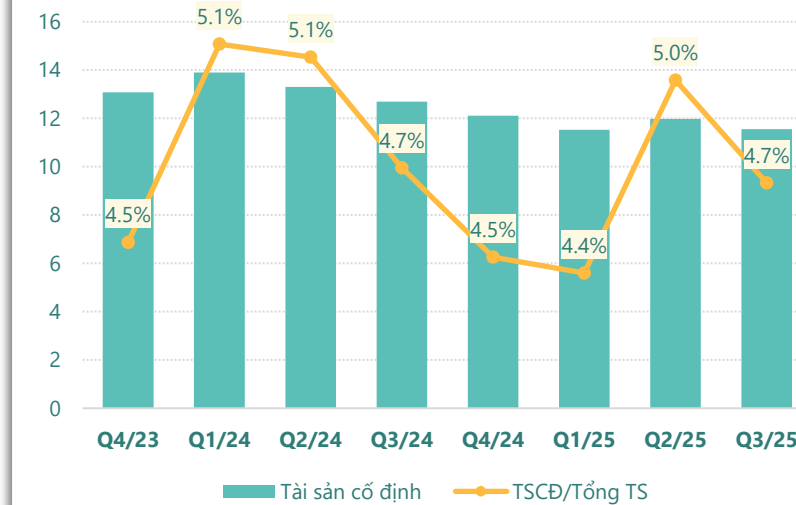
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

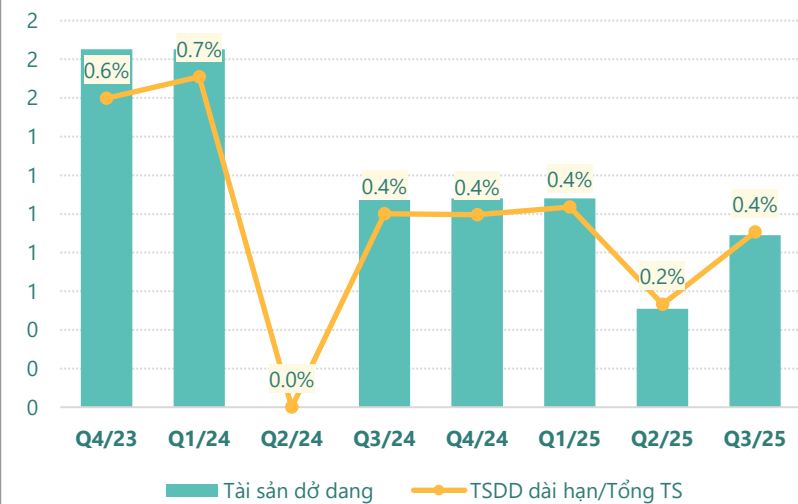
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

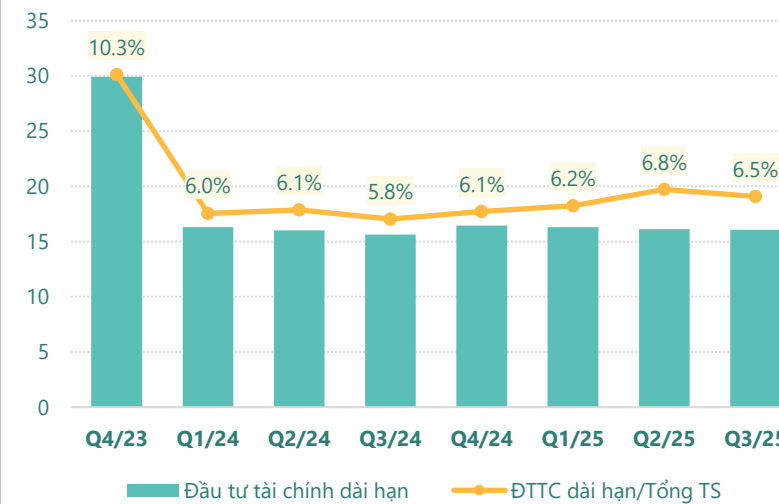
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

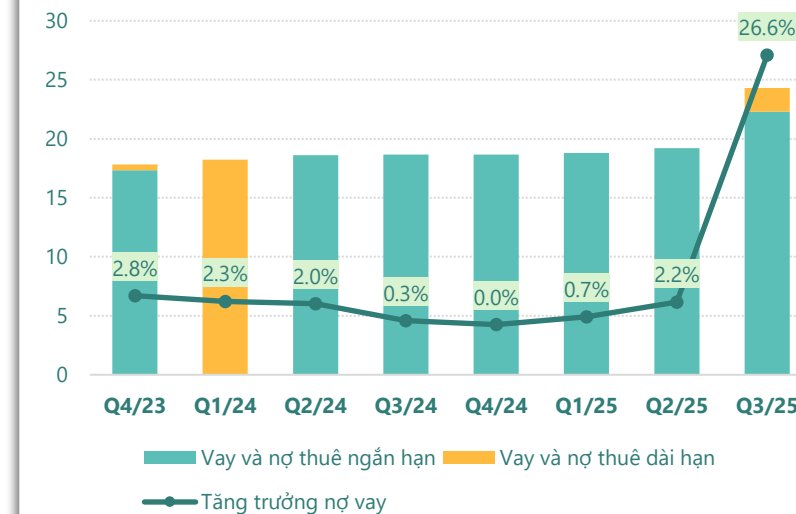
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

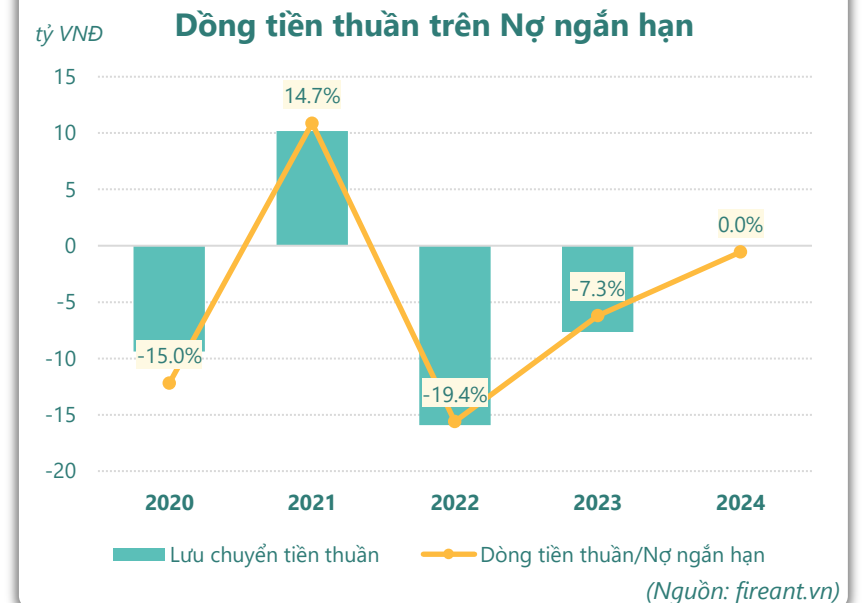
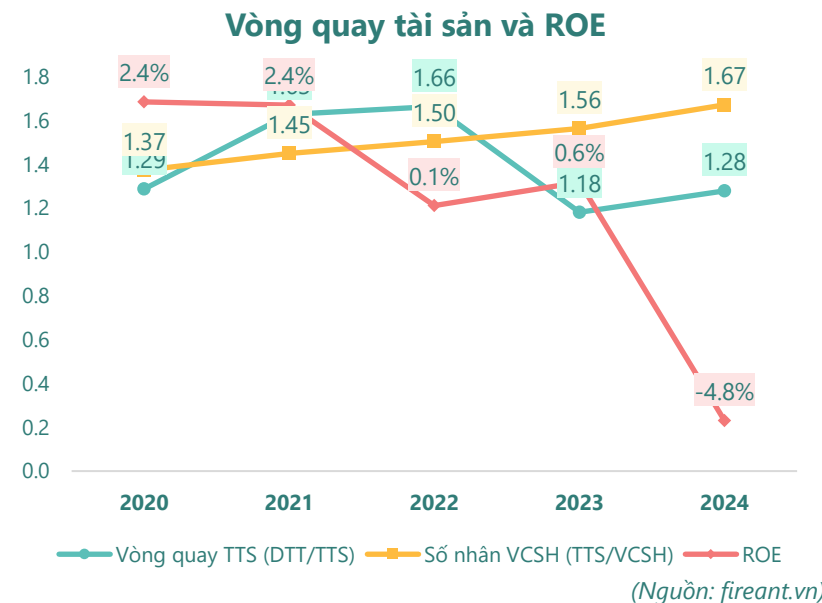
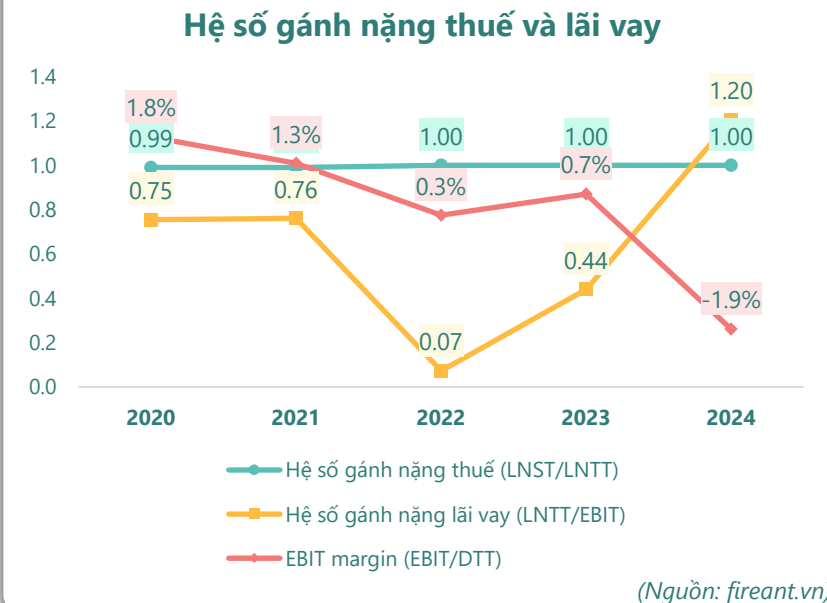
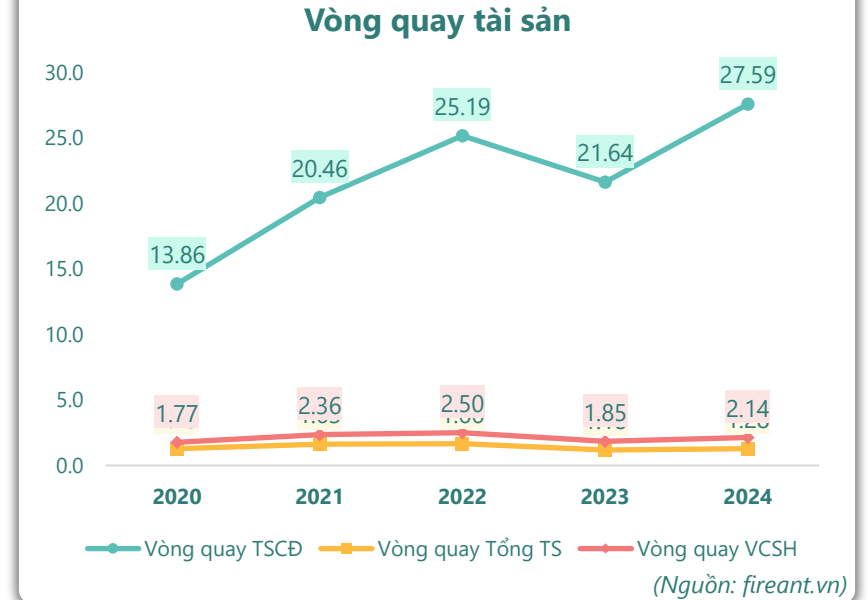
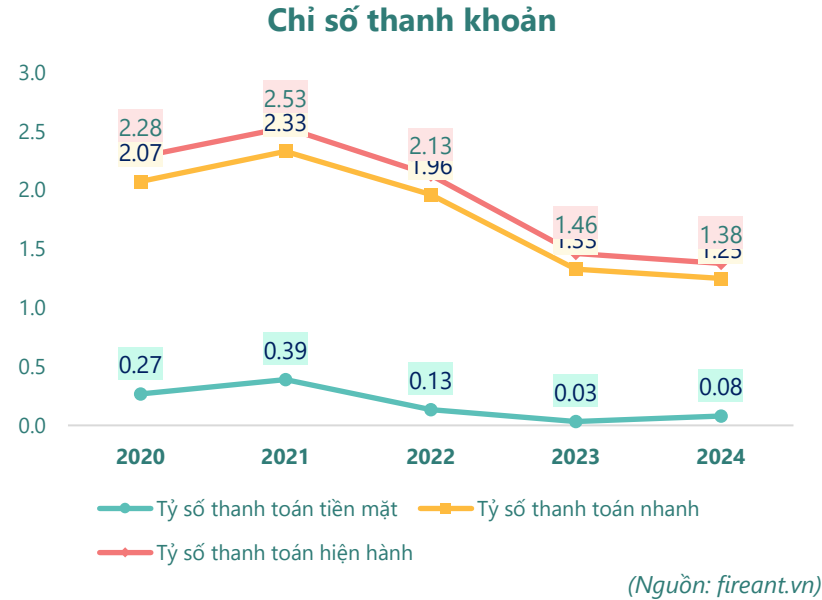
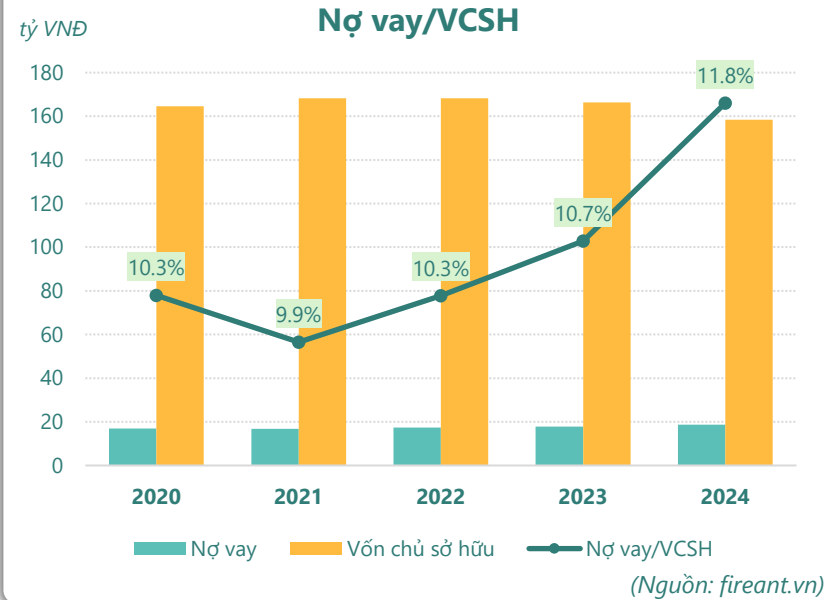
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	83.9	101	-16.9%	157	290	-45.8%
Giá vốn hàng bán	77.4	94.1	-17.8%	144	275	-47.9%
Lợi nhuận gộp	6.55	7.05	-7.1%	13.7	14.6	-6.0%
Doanh thu HĐTC	0.39	1.00	-60.6%	1.21	2.74	-55.8%
Chi phí TC	0.17	0.35	-50.2%	2.24	1.78	25.9%
Chi phí lãi vay	0.40	0.35	14.2%	1.17	1.01	15.7%
LN trong công ty LKLD	-0.38	-0.38	1.2%	-0.71	-0.68	-4.5%
Chi phí bán hàng	1.89	3.25	-41.8%	5.38	9.62	-44.0%
Chi phí QLDN	3.34	3.00	11.4%	7.20	12.2	-41.0%
LN thuần từ HĐKD	1.16	1.06	9.2%	-0.63	-6.99	91.0%
Lợi nhuận khác	-0.32	-0.10	-216%	-1.31	-0.86	-52.1%
LN trước thuế	0.84	0.97	-13.2%	-1.94	-7.85	75.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.84	0.97	-13.2%	-2.01	-7.85	74.4%
LNST của CĐ cty mẹ	0.84	0.97	-13.2%	-2.01	-7.85	74.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.00	-10.4	0	0.13	-4.16	-7.65
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.38	4.18	0	0.04	6.60	1.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.60	0	0	0	4.98
Tiền đầu kỳ	5.99	7.37	0	8.94	9.11	11.5
Lưu chuyển tiền thuần	1.38	-5.63	0	0.17	2.44	-1.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	7.37	1.74	0	9.11	11.5	9.92

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	246	271	-9.3%
Tài sản ngắn hạn	131	154	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	9.92	8.94	11.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.06	7.06	-99.1%
Phải thu ngắn hạn	65.3	94.8	-31.1%
Hàng tồn kho	16.6	14.3	15.8%
Tài sản ngắn hạn khác	38.9	29.3	32.6%
Tài sản dài hạn	115	117	-1.4%
Phải thu dài hạn	34.6	33.7	2.7%
Tài sản cố định	11.5	12.1	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.89	1.08	-17.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.1	16.5	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	51.8	53.2	-2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.3	112	-20.7%
Nợ ngắn hạn	86.9	112	-22.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.3	18.7	19.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.4	76.8	-35.7%
Nợ dài hạn	2.35	0.38	515%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.00	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	156	159	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	156	159	-1.3%
Vốn điều lệ	189	189	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

